| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG HIỆP THÀNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 3103 /QĐ-UBND | *Hiệp Thành, ngày 06 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt dự án Lộ Kênh 1

## ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HIỆP THÀNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Đề án xây dựng giao thông nông thôn trên địa ban tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;*

*Căn cứ Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 21/9/2026 của UBND phường Hiệp Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Lộ Kênh 1;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng số 06/BQLDA-TĐ ngày 30/9/2026 của Ban Quản lý dự án phường Hiệp Thành.*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án phường Hiệp Thành tại Tờ trình số 186/TTr-BQLDA ngày 30/9/2026 về việc phê duyệt dự án Lộ Kênh 1.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Lộ Kênh 1 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Lộ Kênh 1.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: 05 năm.

3. Mã định danh (nếu có): không có.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: phường Hiệp Thành, tỉnh Cà Mau.

- Vị trí xây dựng công trình trình thẩm định: Lộ Kênh 1.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế:

+ Điểm đầu là đường hiện trạng, điểm cuối tiếp giáp đường bê tông xã Vĩnh Hậu.

+ Hướng tuyến: đường bắt đầu từ đường bê tông hiện trạng đi dọc theo tuyến kênh qua các nhà dân dọc tuyến đến đường bê tông thuộc xã Vĩnh Hậu. Hiện trạng là nền đường đất đen nên ảnh hưởng cho việc đi lại của người dân. Dự án nâng cấp, mở rộng mặt đường là 3,00m, chiều dài tuyến là 70m.

- Diện tích sử dụng đất của dự án khoảng: 280m$^2$.

5. Người quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án phường Hiệp Thành.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Tiến Bạc Liêu. Mã số doanh nghiệp: 1900670739.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Tiến Bạc Liêu. Mã số doanh nghiệp: 1900670739.

8. Mục tiêu dự án: Cải thiện giao thông, kết nối các khu vực liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương; đảm bảo giao thông thuận tiện, tăng khả năng vận chuyển hàng hóa, đi lại cho người dân, và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trong khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Quy mô công trình:

- Chiều dài tuyến : 70 mét
- Tải trọng thiết kế : 2.5 tấn
- Vận tốc thiết kế : 15km/h
- Chiều rộng mặt đường : 3.0m
- Chiều rộng nền đường : 4.0m
- Chiều dài mặt đường : 70,00m
- Kết cấu mặt đường : BTCT mác 300 dày 12cm, Thép Þ6a150.
- Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 16cm, K=0.95
- Lớp cát nền bù phụ nền đường, K=0.95.
- Nền đường đất đen hiện trạng.
- Lề đường : 2x0.5m đắp đất (khai thác từ đào lòng đường).

9.1. Giải pháp thiết kế trắc ngang:

- Tuân thủ các quy định hiện hành về thiết kế mặt đường, quy chuẩn tiêu chuẩn quy định về bề rộng mặt đường, nền đường, lề đường, độ dốc ngang,…

- Giải pháp thiết kế trắc ngang mặt đường như sau:

| | | |
|---|---|---|
| - Bề rộng mặt đường | : | 3,0 mét |
| - Bề rộng lề | : | 2x0.5 mét |
| - Bề rộng nền đường | : | 4.0 mét |
| - Độ dốc ngang mặt đường | : | 2% |
| - Độ dốc ngang lề đường | : | 4% |
| - Mái ta luy lề đường | : | 1:1.5 |

9.2. Giải pháp thiết kế kết cấu áo đường:

- Lớp bê tông cốt thép đá 1x2 mác 300 dày 12cm, thép d6a150
- Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 16cm, đầm chặt K=0,95
- Lớp cát nền bù phụ nền đường, đầm chặt K=0,95
- Mặt đường hiện trạng / nền đường đất đen tự nhiên

9.3. Giải pháp thiết kế lề đường:

- Lề đường đắp đất rộng 0.5m, đầm chặt bằng máy đầm kết hợp đầm cơ giới hoặc thủ công, hệ số đất đắp lề đầm chặt K>=0.90.

- Đất đào mở rộng và đào mặt đường (nếu có) được tận dụng để đắp lề đường.

- Khối lượng đào nền và đào mở rộng (nếu có) không đủ đáp ứng khối lượng cần đắp lề, đắp gia cố đất sẽ được khai thác tại chỗ bằng máy đào, có thể

khai thác đất dưới lòng kênh hiện trạng, hoặc bờ kênh hiện trạng rồi hoàn trả lại.

- Xây bó nền đường (nếu có): Tại một số vị trí do lề đường tiếp giáp sát với mặt tiền nhà dân, xây bó nền bằng gạch ống câu thẻ dày 20cm, trát vữa hoàn thiện 2 mặt bó nền.

9.4. Giải pháp thiết kế gia cố nền đường:

- Gia cố nền đường tại các vị trí sạc lỡ bờ kênh, ao mương, cống rãnh dẫn nước,...

- Vật liệu gia cố sử dụng bao gồm cừ tràm dài 4,7m đóng thẳng mật độ đóng cừ 6 cừ/mét đóng thành hai hàng cừ hoặc kết hợp cừ đóng xiêng mật độ 1 cừ/mét, neo buộc gia cố đầu từ bằng thép fi6.

- Sử dụng vải địa kỹ thuật, kết hợp với tấm mê bồ để chắn đất đắp gia cố.

- Đất đắp gia cố đầm chặt, cao độ đắp đất bằng hoặc cao hơn cao độ nền đường hiện trạng tại vị trí gia cố.

9.5. Giải pháp thiết kế hệ thống biển báo: Bố trí biển báo giao thông theo đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ TCVN 41:2024/BGTVT.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

10.1. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong công tác khảo sát:

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng - Yêu cầu chung;

- TCVN 9401:2024 Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình;

- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10.2. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong công tác thiết kế:

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 4054:2005 Đường ôtô - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN11823:2017 Thiết kế cầu đường bộ;

- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10.3. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong công tác thi công và nghiệm thu:

- 22 TCN 243:1998 Quy trình kiểm định cầu trên đường giao thông;

- 22TCN 247:1998 Quy trình thi công và nghiệm thu dầm cầu BTCT

DUL;

- 22TCN 266:2000 Quy trình thi công và nghiệm thu cầu và cống;

- TCCS 40:2022/TCĐBVN Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;

- TCVN 4447:2012 Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8774:2012 An toàn thi công cầu;

- TCVN 9115:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9394:2012 Đóng và ép cọc - Tổ chức thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;

- ASTM D2240; D412; D573; D395; D1149; D429; D4014; D570 Gối cao su đàn hồi;

- D676; D471 Khe co giãn cao su;

- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10.4. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng trong an toàn lao động - phòng chống cháy nổ:

- QCVN 06:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- TCVN 2287 đến 2293:1978 Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động;

- TCVN 4036:1985 An toàn điện trong xây dựng;

- TCVN 3255:1986 An toàn nổ - Yêu cầu chung;

- TCVN 3254:1989 An toàn cháy - Yêu cầu chung;

- TCVN 5308:1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng;

- TCVN 4244:2005 Thiết bị nâng - Thiết kế, chế tạo và kiểm tra kỹ thuật;

- Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án (làm tròn): **491.411.000 đồng** *(Bốn trăm chín mươi mốt triệu, bốn trăm mười một nghìn đồng)*; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Chi phí xây dựng: 404.558.787 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 15.292.322 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư XD: 44.686.968 đồng.
- Chi phí khác: 7.972.232 đồng.
- Chi phí dự phòng: 18.900.412 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án/giai đoạn thực hiện dự án/phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án:

- Thời gian thực hiện dự án: năm 2026 – 2027.

- Giai đoạn thực hiện dự án:

+ Chuẩn bị đầu tư: Khảo sát, lập và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quý III đến quý IV năm 2026.

+ Thực hiện đầu tư: Thi công xây dựng công trình từ quý IV năm 2026 đến quý I năm 2027.

+ Kết thúc xây dựng: Nghiệm thu công trình và lập hồ sơ quyết toán từ quý IV năm 2026 đến quý I năm 2027..

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030, nguồn vốn xã hội hóa (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: năm 2026 - 2027.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không có.

16. Các nội dung khác: không có.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện công trình trên theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND phường;
- CVP, PCVP HĐND & UBND phường;
- Phòng KT, HT&ĐT phường Hiệp Thành;
- Ban Quản lý dự án phường;
- Lưu: VT, LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Lâm Danh Nhân**